

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E204
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 7h45 Ngày thi: 8/12/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA12304	19810410308	Trần Văn	An	03/12/2001			
2	TA12305	20810110194	Hoàng Tuấn	Anh	24/02/2002			
3	TA12306	21810810049	Lý Kiều	Anh	17/11/2003			
4	TA12307	20810320093	Nguyễn Nhật	Anh	24/09/2002			
5	TA12308	20810230022	Nguyễn Tuấn	Anh	28/04/2002			
6	TA12309	21810810313	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/02/2003			
7	TA12310	21810810240	Nguyễn Vân	Anh	26/10/2003			
8	TA12311	19810430063	Trần Nhật	Anh	31/07/2001			
9	TA12312	20810310445	Trần Việt	Anh	03/07/2002			
10	TA12313	21810720388	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	06/08/2003			
11	TA12314	20810110154	Lương Trọng	Bách	03/10/2002			
12	TA12315	21810310356	Lê Thanh	Bình	04/01/2003			
13	TA12316	20810430260	Nguyễn Thành	Công	12/09/2002			
14	TA12317	21819110022	Nguyễn Văn	Cường	12/02/2003			
15	TA12318	21810820122	Phùng Kim	Chi	20/11/2003			
16	TA12319	20810310269	Nguyễn Hữu	Chiến	17/11/2002			
17	TA12320	22810430338	Phạm Đức	Chung	14/10/2004			
18	TA12321	21810820191	Nguyễn Thị	Dịu	17/03/2002			
19	TA12322	20810340199	Nguyễn Đình	Duẩn	02/12/2002			
20	TA12323	22810430101	Hoàng Tiến	Dũng	20/12/2004			
21	TA12324	21810710014	Trần Tiến	Dũng	28/06/2003			
22	TA12325	21810710124	Nguyễn Khánh	Duy	15/05/2003			
23	TA12326	21810710370	Lê Thị	Duyên	19/06/2003			
24	TA12327	21810810190	Phạm Thùy	Dương	09/05/2003			
25	TA12328	21819110031	Tạ Quang	Đại	08/04/2003			
26	TA12329	20810430380	Nguyễn Duy	Đạt	28/03/2002			
27	TA12330	21810850196	Phạm Tiến	Đạt	15/10/2003			
28	TA12331	21819100002	Trần Tiến	Đạt	19/10/2003			
29	TA12332	19810310500	Nguyễn Đình	Đoàn	22/06/2001			
30	TA12333	20810340148	Phạm Trung	Đức	20/12/2001			
31	TA12334	20810310369	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002			
32	TA12335	21810310374	Dương Thu	Hà	07/08/2003			
33	TA12336	20810310471	Hoàng Thị Hồng	Hà	22/06/2002			
34	TA12337	20810170421	Nguyễn Trác	Hải	02/10/2002			
35	TA12338	21810840307	Vũ	Hải	07/08/2003			
36	TA12339	20819110077	Nguyễn Văn	Hảo	23/04/2002			
37	TA12340	19810310658	Bùi Quang	Hiền	13/12/2001			

38	TA12341	20810000263 Nguyễn Tiến	Hiệp	10/04/2002			
39	TA12342	20810610009 Hoàng Minh	Hiếu	05/10/2001			
40	TA12343	20810160554 Nguyễn Bảo	Hiếu	14/11/2002			
41	TA12344	20810000238 Nguyễn Văn	Hiếu	12/08/2001			
42	TA12345	20810540021 Nguyễn Thị	Hoa	21/12/2002			
43	TA12346	20810830188 Nguyễn Thị Minh	Hoài	11/05/2002			
44	TA12347	20810430279 Bùi Văn	Hoàng	29/12/2002			
45	TA12348	20810170353 Nguyễn Đình	Hoàng	26/07/2002			
46	TA12349	20810230057 Trần Việt	Hoàng	01/08/2002			
47	TA12350	20810310396 Lê Thị	Hồng	25/08/2002			
48	TA12351	21810710407 Văn Thị Thuý	Hồng	08/05/2003			
49	TA12352	20810230130 Đàm Đức	Hùng	23/08/2002			
50	TA12353	20810000197 Nguyễn Bá	Hùng	24/09/2002			
51	TA12354	20819120001 Đoàn Minh	Huy	14/01/2002			
52	TA12355	20810230085 Phú Tiến	Huy	03/11/2002			
53	TA12356	20810320139 Võ Quang	Huy	19/06/2002			
54	TA12357	20810310417 Vương Đức	Huy	16/10/2002			
55	TA12358	21810810135 Nguyễn Ngọc	Huyền	06/11/2003			
56	TA12359	21810820085 Lê Khả Minh	Hưng	04/09/2003			
57	TA12360	21810820162 Nguyễn Thị Mai	Hương	06/12/2003			
58	TA12361	21810000383 Nguyễn Thị Mai	Hường	20/05/2003			
59	TA12362	20819110104 Nguyễn Công	Kiểm	07/11/2002			
60	TA12363	20810410092 Đỗ Trung	Kiên	08/04/2002			
61	TA12364	20810230015 Nguyễn Trung	Kiên	14/12/2002			
62	TA12365	ĐVCH Lê Thị	Kiều	06/05/2002			
63	TA12366	21810820165 Ngô Quang	Khải	30/09/2003			
64	TA12367	20810000165 Đinh Khắc	Khánh	01/01/2002			
65	TA12368	20810340229 Phạm Đăng	Khánh	20/02/2002			
66	TA12369	20810310547 Phạm Đăng	Khoa	15/06/2002			
67	TA12370	21810820293 Nguyễn Thị	Lan	14/12/2003			
68	TA12371	21810820128 Chu Thanh	Lâm	10/06/2003			
69	TA12372	21810000389 Nguyễn Thị	Lệ	29/05/2003			
70	TA12373	20810310358 Dương Thị Thuý	Linh	25/10/2002			
71	TA12374	22810850032 Đỗ Thị	Linh	13/11/2004			
72	TA12375	20810340174 Huỳnh Nhật	Linh	16/10/2002			
73	TA12376	20810230033 Mẫn Thị Mai	Linh	18/08/2002			
74	TA12377	21810710019 Nguyễn Hoài	Linh	16/10/2003			
75	TA12378	20810430346 Nguyễn Ngọc	Linh	13/09/2002			
76	TA12379	21810820144 Nguyễn Thuý	Linh	16/12/2003			
77	TA12380	ĐVCH Phạm Tuấn	Linh	27/11/1987			
78	TA12381	21810710029 Trần Ngọc Tuấn	Linh	29/11/2003			
79	TA12382	21810810039 Trịnh Huyền	Linh	21/06/2003			
80	TA12383	19810000379 Dương Thành	Long	22/05/2001			
81	TA12384	21810840299 Nguyễn Tiến	Long	27/01/2003			
82	TA12385	19810000175 Phạm Đức	Long	18/02/2001			
83	TA12386	20810830225 Nguyễn Ngọc	Luân	19/11/2002			
84	TA12387	21810820088 Đỗ Thị Quỳnh	Mai	12/07/2003			
85	TA12388	ĐVCH Phạm Thị Như	Mai	14/01/2001			

86	TA12389	20810000271	Nguyễn Đức	Mạnh	21/08/2002			
87	TA12390	20810310014	Nguyễn Văn	Mạnh	31/01/2002			
88	TA12391	20819110054	Trần Ngọc	Mạnh	21/02/2002			
89	TA12392	22810810019	Lê Văn	Minh	14/03/2004			
90	TA12393	20810320086	Nguyễn Đặng Tuấn	Minh	04/12/2002			
91	TA12394	20819120007	Nguyễn Quang	Minh	09/07/2002			
92	TA12395	19810310427	Trần Tuấn Anh	Minh	22/06/2001			
93	TA12396	21810820175	Nguyễn Thị	Mỹ	19/10/2003			
94	TA12397	20810110159	Lê Phương	Nam	05/03/2002			
95	TA12398	20810230054	Nguyễn Hải	Nam	04/11/2002			
96	TA12399	20810820070	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002			
97	TA12400	21810810041	Nguyễn Thị Thu	Ngân	07/12/2003			
98	TA12401	20810310499	Nguyễn Trọng	Nghĩa	30/01/2002			
99	TA12402	20810230043	Đặng Minh	Ngọc	15/10/2002			
100	TA12403	20810230114	Phạm Thị	Ngọc	18/11/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E304

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 7h45

Ngày thi: 8/12/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA12404	20810310530	Ngô Đức Bình	Nguyễn	21/08/2002			
2	TA12405	22810000044	Lương Minh	Nguyễn	16/04/2004			
3	TA12406	22810810141	Nguyễn Thị Yến	Nhi	21/11/2004			
4	TA12407	19810110019	Nguyễn Đức	Phát	24/09/2001			
5	TA12408	20819120036	Nguyễn Đức	Phong	07/07/2002			
6	TA12409	21810340536	Đỗ Hong	Phúc	12/04/2003			
7	TA12410	20810230090	Vũ Đình	Phúc	17/11/2002			
8	TA12411	21810810017	Nguyễn Nam	Phương	14/12/2003			
9	TA12412	21810710082	Phạm Việt	Phương	26/08/2003			
10	TA12413	ĐVCH	Ngô Hữu	Quang	01/08/1984			
11	TA12414	21810860454	Phạm Minh	Quang	25/11/2003			
12	TA12415	20810310037	Mai Hồng	Quân	11/03/2002			
13	TA12416	20810000290	Lê Văn	Quý	28/12/2002			
14	TA12417	21810850380	Đỗ Thị Diễm	Quỳnh	17/12/2003			
15	TA12418	21810850393	Nguyễn Như	Quỳnh	19/08/2003			
16	TA12419	19810310496	Trần Sỹ	Sáng	28/06/2001			
17	TA12420	20810340147	Nguyễn Bá Hoàng	Son	02/07/2002			
18	TA12421	20810000254	Phạm Quang	Sự	01/06/2002			
19	TA12422	20810410071	Hoàng Xuân	Tâm	23/10/2001			
20	TA12423	21810620071	Lê Đình	Tân	29/05/2003			
21	TA12424	19810420291	Vũ Công	Tân	19/05/2001			
22	TA12425	21810170323	Bùi Văn	Tiện	13/09/2003			
23	TA12426	20810430400	Nguyễn Anh	Tú	02/08/2002			
24	TA12427	20810620123	Phùng Quang	Tú	28/05/2002			
25	TA12428	19810310027	Đồng Đăng	Tuấn	11/01/1993			
26	TA12429	22810310003	Nguyễn Anh	Tuấn	09/09/2004			
27	TA12430	20810320128	Ngô Văn	Tuệ	27/03/2002			
28	TA12431	20810430418	Nguyễn Đình	Tuyền	16/08/2002			
29	TA12432	20810110174	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002			
30	TA12433	ĐVCH	Nguyễn Văn	Thành	28/08/1988			
31	TA12434	21810710167	Đinh Phương	Thảo	03/10/2003			
32	TA12435	21810710260	Lê Thị Thanh	Thảo	11/05/2003			
33	TA12436	22810000052	Nguyễn Thị Phương	Thảo	01/06/2004			
34	TA12437	22810430106	Đào Đức	Thắng	17/01/2004			
35	TA12438	20810160465	Nguyễn Hùng	Thắng	17/06/2002			
36	TA12439	19810310014	Vũ Ngọc	Thiện	30/12/2001			
37	TA12440	20810110206	Nguyễn Huy Hoài	Thịnh	21/01/2002			

38	TA12441	21810810298 Võ Thị	Thúy	09/03/2003			
39	TA12442	21810810119 Trần Anh	Thư	28/04/2003			
40	TA12443	20810430253 Giáp Xuân	Thường	01/06/2000			
41	TA12444	20810810046 Mỹ Thu	Trang	05/03/2002			
42	TA12445	20810110129 Nguyễn Thu	Trang	10/04/2002			
43	TA12446	20810830190 Lê Thị Bảo	Trân	17/09/2002			
44	TA12447	20810850059 Bùi Bảo	Trung	07/08/2002			
45	TA12448	21810710032 Nguyễn Phan Thành	Trung	23/11/2003			
46	TA12449	20810340237 Nguyễn Thanh	Trường	13/12/2002			
47	TA12450	21810710211 Ngô Thị Thảo	Vân	16/11/2003			
48	TA12451	21810820164 Nguyễn Hồng Hà	Vi	09/09/2003			
49	TA12452	20810110171 Trương Quốc	Việt	23/02/2002			
50	TA12453	22810180371 Ngô Đức	Vinh	29/12/2004			
51	TA12454	20810420068 Mai Quang	Vũ	26/11/2002			
52	TA12455	21810720007 Lê Vũ Thảo	Vy	18/05/2003			
53	TA12456	20810340235 Hán Ngọc	Ánh	09/08/2002			
54	TA12457	22819120084 Hoàng Vinh	Anh	14/01/2004			
55	TA12458	20810620019 Nguyễn Hữu	Anh	13/11/2002			
56	TA12459	22810680027 Nguyễn Quang Hoàng	Anh	29/02/2004			
57	TA12460	20810310493 Nguyễn Tuấn	Anh	28/05/2002			
58	TA12461	21810810030 Nguyễn Thị Mai	Anh	18/12/2003			
59	TA12462	20810430121 Phạm Tuấn	Anh	11/10/1998			
60	TA12463	19810310460 Trần Quốc	Anh	17/04/2001			
61	TA12464	20810000417 Vũ Đức	Anh	15/10/2002			
62	TA12465	2272010253 Vũ Ngọc	Ánh	16/09/1996			
63	TA12466	19810430164 Vũ Đức	Bằng	14/11/2001			
64	TA12467	21810000386 Nguyễn Thanh	Bình	16/09/2003			
65	TA12468	20810430136 Nguyễn Mạnh	Cường	09/01/2002			
66	TA12469	20810340251 Lê Thiên Hạnh	Chi	16/04/2002			
67	TA12470	22810820057 Trần Linh	Chi	23/12/2004			
68	TA12471	22819120057 Triệu Văn	Chinh	30/09/2004			
69	TA12472	ĐVCH Nguyễn Hữu	Dần	7/10/1998			
70	TA12473	20810340149 Đặng Văn	Doanh	24/08/2002			
71	TA12474	19810420034 Nguyen Manh	Dung	22/04/2001			
72	TA12475	20810160430 Nguyễn Tiến	Dũng	15/09/2002			
73	TA12476	22810310021 Nguyễn Đăng	Duy	14/06/2004			
74	TA12477	20810230058 Nguyễn Ngọc	Duy	08/11/2002			
75	TA12478	21810710328 Đỗ Văn	Dương	11/07/2003			
76	TA12479	ĐVCH Trần Hoàng	Dương	13/08/1987			
77	TA12480	20810230153 Trần Thị Thảo	Đan	01/03/2002			
78	TA12481	21810710057 Nguyễn Tiến	Đạt	15/11/2003			
79	TA12482	20810000253 Phan Tuấn	Đạt	10/09/2002			
80	TA12483	20810230012 Võ Thanh	Đạt	04/10/2002			
81	TA12484	20810430131 Đỗ Phương	Đông	24/01/1998			
82	TA12485	20810410059 To Thế	Được	20/09/2001			
83	TA12486	21810840224 Nguyễn Thị Hương	Giang	26/10/2003			
84	TA12487	20810310324 Đỗ Thị Thu	Hà	13/02/2002			
85	TA12488	21810710234 Bùi Quốc	Hải	03/02/2003			

86	TA12489	19810320432	Phạm Thanh	Hải	23/11/2001			
87	TA12490	22810000005	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	28/11/2004			
88	TA12491	19810230036	Lê Thị Thu	Hằng	23/03/2001			
89	TA12492	20810340169	Lê Chí	Hiền	05/10/2002			
90	TA12493	20810310510	Vũ Duy	Hiệp	29/03/2002			
91	TA12494	20819110084	Hoàng Trung	Hiếu	17/09/2002			
92	TA12495	20810170356	Nguyễn Minh	Hiếu	05/05/2002			
93	TA12496	20810310552	Trần Minh	Hiếu	30/03/2002			
94	TA12497	22810810217	Nguyễn Mạnh	Hoà	01/02/2004			
95	TA12498	21810820278	Đặng Thị Kim	Hoan	18/02/2003			
96	TA12499	20810340241	Cao Việt	Hoàng	03/09/2002			
97	TA12500	19810540155	Nguyễn Nhật	Hoàng	18/07/2001			
98	TA12501	20810320101	Trương Việt	Hoàng	13/04/2002			
99	TA12502	21810850201	Lê Thị	Hồng	29/05/2003			
100	TA12503	20810000373	Nguyễn Đức	Huân	06/09/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E403
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 7h45 Ngày thi: 8/12/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA12504	20810320126	Đinh Việt	Hùng	25/06/2002			
2	TA12505	20810410057	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/01/2002			
3	TA12506	20810340182	Đỗ Tuấn	Huy	14/03/2002			
4	TA12507	20810310485	Trần Đức	Huy	12/06/2002			
5	TA12508	20810160548	Vũ Ngọc	Huy	09/09/2002			
6	TA12509	20810310501	Kiều Thị	Huyền	19/10/2002			
7	TA12510	20810170311	Phùng Xuân	Huỳnh	03/02/2002			
8	TA12511	20810430142	Trần Thế	Hưng	04/10/2002			
9	TA12512	21810710402	Bùi Thị Thuý	Hường	05/11/2003			
10	TA12513	21810310589	Nguyễn Thúy	Hường	18/05/2003			
11	TA12514	21810310556	Bùi Trung	Kiên	11/03/2003			
12	TA12515	2272010268	Hoàng Văn	Kiên	05/09/1993			
13	TA12516	21810710003	Trịnh Ngọc	Kiên	03/06/2003			
14	TA12517	20810000333	Nguyễn Văn	Kiều	01/11/2002			
15	TA12518	21810620013	Đặng An	Khánh	14/12/2003			
16	TA12519	19810320406	Hoàng Nhật	Khánh	19/07/2001			
17	TA12520	20810830184	Trịnh Duy	Khánh	02/09/2002			
18	TA12521	20810410048	Vũ Huy	Khôi	20/07/2002			
19	TA12522	21810820163	Nguyễn Thị	Lan	30/04/2003			
20	TA12523	20810000092	Nguyễn Hoàng	Lâm	11/07/2002			
21	TA12524	21810710443	Vũ Tú	Lệ	26/01/2003			
22	TA12525	21810850394	Đậu Thị Kiều	Linh	15/03/2003			
23	TA12526	21810810308	Hoàng Diệu Thùy	Linh	02/07/2003			
24	TA12527	21810860230	Lê Khánh	Linh	10/10/2003			
25	TA12528	20810310349	Ngô Thị Thùy	Linh	15/03/2002			
26	TA12529	21810810341	Nguyễn Khánh	Linh	26/11/2003			
27	TA12530	21810830153	Nguyễn Phương	Linh	10/12/2003			
28	TA12531	20810230117	Nguyễn Thùy	Linh	10/07/2002			
29	TA12532	19810830038	Phạm Thị Phương	Linh	19/06/2001			
30	TA12533	20810000016	Trần Thị Diệu	Linh	03/01/2002			
31	TA12534	20810430362	Vũ Nhật	Linh	04/12/2002			
32	TA12535	20810430240	Hoàng Thành	Long	07/08/2002			
33	TA12536	20810620044	Nguyễn Văn	Long	29/03/2002			
34	TA12537	19810310007	Trần Văn	Long	10/04/2001			
35	TA12538	21810810047	Ngô Thị Diệu	Ly	24/12/2003			
36	TA12539	22810000105	Hà Ngọc	Mai	06/07/2004			
37	TA12540	21810710051	Đỗ Đức	Mạnh	30/09/2003			

38	TA12541	20810000521	Nguyễn Đức	Mạnh	05/06/2002			
39	TA12542	20810310497	Nguyễn Xuân	Mạnh	18/10/2002			
40	TA12543	22810810070	Trương Thị	Miền	05/11/2004			
41	TA12544	20810320112	Lưu Nguyễn Nhật	Minh	08/06/2002			
42	TA12545	20810310439	Nguyễn Đức	Minh	10/03/2002			
43	TA12546	22810430097	Trần Bình	Minh	02/02/2004			
44	TA12547	21810340578	Vũ Quang	Minh	07/12/2003			
45	TA12548	20810310432	Đậu Hoàng	Nam	15/11/2002			
46	TA12549	21810710012	Long Diệp Thành	Nam	12/12/2003			
47	TA12550	21810820242	Nguyễn Thành	Nam	06/03/2003			
48	TA12551	20810310460	Nguyễn Thị	Ngà	02/12/2002			
49	TA12552	20810430133	Lê Minh	Nghĩa	21/11/2002			
50	TA12553	21810710378	Chu Đan	Ngọc	09/08/2003			
51	TA12554	20810310330	Nguyễn Tuấn	Ngọc	27/10/2002			
52	TA12555	21810840322	Vũ Hoài	Ngọc	10/08/2003			
53	TA12556	20810430338	Trần	Nguyên	09/02/2002			
54	TA12557	20810340203	Trần Trọng	Nhất	27/11/2002			
55	TA12558	21810850373	Phùng Thị Hồng	Nhung	26/03/2003			
56	TA12559	20810620054	Lê Hồng	Phi	19/10/2002			
57	TA12560	20810320105	Phan Văn	Phong	28/10/2002			
58	TA12561	20810000298	Lương Gia	Phúc	30/06/2002			
59	TA12562	21810710359	Dương Thị Thu	Phương	22/04/2003			
60	TA12563	20810540058	Nguyễn Thị Mai	Phương	06/09/2002			
61	TA12564	19810000588	Trần Thanh	Phương	26/06/2001			
62	TA12565	19810310166	Nguyễn Đình	Quang	23/12/2001			
63	TA12566	21810710222	Vũ Minh	Quang	08/04/2003			
64	TA12567	20810620005	Nguyễn Anh	Quân	27/11/2002			
65	TA12568	21810620437	Lê Toàn	Quyền	10/09/2003			
66	TA12569	21810710039	Hoàng Như	Quỳnh	10/10/2003			
67	TA12570	21810710213	Phạm Thị	Quỳnh	21/10/2003			
68	TA12571	20819110093	Bùi Sỹ	Son	20/08/2002			
69	TA12572	19810230034	Nguyễn Vũ Trường	Son	25/01/2001			
70	TA12573	20810620029	Lê Văn	Tài	06/12/2002			
71	TA12574	21810710232	Phạm Thị	Tám	01/01/2002			
72	TA12575	22810430089	Nguyễn Công	Tân	27/02/2004			
73	TA12576	20810310018	Hoàng Đức	Tiến	18/11/2002			
74	TA12577	20810620002	Đỗ Đức	Tiệp	23/11/2002			
75	TA12578	20810000450	Nguyễn Ngọc	Tú	21/08/2002			
76	TA12579	20810320579	Thào A Pó	Tủa	05/12/2002			
77	TA12580	20810620112	Hoàng Công	Tuấn	16/10/2002			
78	TA12581	19810340298	Phạm Văn	Tuấn	30/04/2001			
79	TA12582	20810230028	Nguyễn Hoàng	Tùng	08/07/2002			
80	TA12583	20810000282	Đoàn Thị	Tuyết	10/09/2002			
81	TA12584	20810000408	Nguyễn Dương	Thành	03/10/2002			
82	TA12585	20810000012	Phạm Tư	Thành	30/09/2002			
83	TA12586	21810810223	Đỗ Thu	Thảo	28/09/2003			
84	TA12587	21810720180	Nguyễn Thanh	Thảo	24/03/2003			
85	TA12588	20810540044	Trần Thị	Thảo	17/11/1996			

86	TA12589	19810000098	Đinh Hữu	Thắng	12/02/2001			
87	TA12590	20810310519	Trần Hùng	Thắng	22/05/2002			
88	TA12591	20810110137	Vũ Văn	Thiết	24/08/2000			
89	TA12592	20810110164	Nguyễn Thế	Thọ	16/02/2002			
90	TA12593	21810310176	Ngô Thu	Thủy	13/10/2003			
91	TA12594	20810430312	Chu Tam	Thức	05/02/2002			
92	TA12595	21810710062	Cao Thị Thủy	Trang	13/12/2003			
93	TA12596	21810310371	Nguyễn Thị	Trang	24/08/2003			
94	TA12597	21810810227	Trần Thu	Trang	26/03/2003			
95	TA12598	20810170316	Nông Minh	Trí	02/11/2002			
96	TA12599	22810430320	Lê Quang	Trung	30/06/2004			
97	TA12600	19810310387	Nguyễn Thành	Trung	18/08/2001			
98	TA12601	19810410284	Trần Văn	Ước	18/02/2001			
99	TA12602	20810000403	Trần Thị	Vân	15/05/2002			
100	TA12603	20810540336	Hoàng	Việt	02/11/2002			
101	TA12604	20810430319	Bùi Hữu	Vinh	03/10/2002			
102	TA12605	22810310022	Đặng Thế	Vũ	24/05/2004			
103	TA12606	20810340167	Trần Lê Anh	Vũ	02/06/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)